TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 297/2024/QĐST-HNGĐ	*Chiêm Hoá, ngày 04 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Lý Đức T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng N Chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc V**, chức vụ: Phó Giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

+ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang H**, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nông Thị T và ông Lý Đức T1. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 10/11/2005 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Lý Đức T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Quốc B, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Lý Thu P, sinh ngày 26/9/2013. Bà Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn bà Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Bà Nông Thị T và ông Lý Đức T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

Ông Lý Đức T1 có nghĩa thanh toán các khoản vay tại sổ vay vốn số 7079704738 với Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Tuyên Quang; tổng số tiền nợ gốc và lãi là 78.734.906 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 08/10/2024 là 3.734.906 đồng và tại Hợp đồng tín dụng số 8104-LAV-202400515 ngày 21/02/2024 với Ngân hàng N – A chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang; tổng số tiền nợ gốc và lãi là 58.570.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 08/10/2024 là 570.000 đồng.

Ông T1 phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng của các khoản nợ trên từ ngày 09/10/2024.

- Về án phí:

Bà Nông Thị T có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa về nợ chung là 3.432.622 đồng (*Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng*). Tổng số tiền án phí bà T phải chịu là 3.582.622 đồng (*Ba triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng*); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.732.622 đồng *(Ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng)* theo Giấy thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001973112 ngày 08/10/2024 của Công ty Cổ phần T2 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000644, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho bà Nông Thị T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Lý Đức T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về nợ chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Hòa Phú (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc